

Số: /2021/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 150/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mức thu học phí

1. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, áp dụng cho năm học 2021-2022 (theo phụ lục đính kèm).

2. Mức thu học phí này áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến do cơ sở giáo dục công lập thực hiện trong năm học.

Điều 2. Thời gian thu học phí

Thời gian thu học phí tối đa 9 tháng/năm học. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng, việc thu học phí thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Đối với các cơ sở giáo dục có điều chỉnh mức thu học phí so với năm học 2020-2021 (do điều chỉnh địa giới hành chính; điều chỉnh khu vực thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Chính phủ), mức thu học phí điều chỉnh được áp dụng từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Công báo Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin Điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

PHỤ LỤC
MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022 ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ
GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP THUỘC
HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày /12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: đồng/tháng/học sinh

| TT | Các trường trên địa bàn | Nhà trẻ | Mẫu giáo | THCS | THPT |
|------------|--|----------------|-----------------|-------------|-------------|
| I | Thành thị | | | | |
| 1 | Các trường trên địa bàn phường thuộc thành phố Tuyên Quang. | | | | |
| | - Các trường mầm non: Tân Trào, Hoa Mai, Phan Thiết, Hoa Sen. | 220.000 | 195.000 | | |
| | - Các trường mầm non: Sao Mai, Nông Tiến, Hưng Thành, Tân Hà, Ý La, Hoa Phượng, Sông Lô, Đội Cấn, Phú Lâm. | 155.000 | 130.000 | | |
| | - Trường THCS Lê Quý Đôn. | | | 105.000 | |
| | - Các Trường THCS khác. | | | 65.000 | |
| | - Trường THPT Chuyên. | | | 155.000 | 155.000 |
| | - Trường THPT Tân Trào. | | | | 90.000 |
| | - Trường THPT: Ý La, Nguyễn Văn Huyền, Sông Lô. | | | | 80.000 |
| 2 | Các trường trên địa bàn thị trấn thuộc huyện. | 85.000 | 80.000 | 50.000 | 65.000 |
| II | Nông thôn | | | | |
| 1 | Các trường trên địa bàn xã thuộc thành phố. | 85.000 | 80.000 | 50.000 | 65.000 |
| 2 | Các trường trên địa bàn xã thuộc huyện. | 50.000 | 45.000 | 35.000 | 40.000 |
| III | Vùng dân tộc thiểu số và miền núi | | | | |
| 1 | Các trường trên địa bàn xã khu vực I. | 50.000 | 45.000 | 35.000 | 40.000 |
| 2 | Các trường trên địa bàn xã khu vực II. | 40.000 | 35.000 | 20.000 | 25.000 |
| 3 | Các trường trên địa bàn xã khu vực III. | 35.000 | 25.000 | 15.000 | 20.000 |